

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày: 31-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Anh Đức;

Ông Lương Minh Suốt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Cẩm Th, sinh năm 1986.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: Số 222 ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1950 (vắng mặt);

2. Bà Trương Thị L, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:

Vào ngày 19/04/2019, vợ chồng ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L cùng ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản nhằm mục đích để vợ chồng ông Đ và bà L nuôi tôm. Đến ngày 13/02/2020, ông Đ và bà L tiếp tục ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với Hộ kinh doanh T. Theo đó, ông Đ và bà L xác nhận còn nợ ông Th tính tới thời điểm ký hợp đồng (ngày 13/02/2020) số tiền là 48.767.000 đồng.

Theo thỏa thuận ông Th bán cho ông Đ và bà L các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu V, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể ông Th giao hàng cho vợ chồng ông Đ và bà L tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của vợ chồng ông Đ và bà L nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên vợ chồng ông Đ và bà L phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho ông Th. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho vợ chồng ông Đ và bà L và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì ông Th không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán: vợ chồng ông Đ và bà L phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông Th khi thu hoạch tôm, việc vợ chồng ông Đ và bà L nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp vợ chồng ông Đ và bà L không thanh toán hết phần công nợ cho ông Th vào cuối vụ tôm, ông Th có quyền cắt hàng, đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà L phải thanh toán toàn bộ tiền hàng còn thiếu đến thời điểm ngừng giao dịch.

Tuy nhiên, vợ chồng ông Đ và bà L đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông Th sau khi thu hoạch tôm. Căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 28/10/2020, ông Đ xác nhận còn nợ ông Th số tiền 88.202.000 đồng.

Nay ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ và bà L trả cho ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 88.202.000 đồng, tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 28/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu trả lãi chậm trả cho đến khi hoàn tất nợ.

- Đối với bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2021, ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L trình bày: Ông bà thống nhất ông bà còn nợ ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 88.202.000 đồng nhưng xin trả dần vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, đối với tiền lãi ông Đ bà L không đồng ý trả vì khi bán thức ăn nuôi tôm ông Th đã tính tiền lời trong đó rồi.

- Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ và bà L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 88.202.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 28/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số nợ gốc là 88.202.000 đồng và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông Đ và bà L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Đ và bà L vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Th là 88.202.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/10/2020 (là ngày đối chiếu công nợ) cho đến khi hoàn trả hết nợ với lãi suất 10%/năm. Ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L đồng ý trả số tiền nợ gốc nhưng xin trả dần và không đồng ý trả tiền lãi vì khi bán thức ăn nuôi tôm ông Th đã tính tiền lời trong đó.

[3] Xét yêu cầu của của ông Trịnh Cẩm Th, yêu cầu ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L trả nợ gốc:

Bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L thừa nhận khi đối chiếu công nợ ông bà còn nợ ông Th số tiền nợ gốc là 88.202.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L còn nợ ông Trịnh Cẩm Th là người đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 88.202.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn, thuốc cho nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo

đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ. Theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng mua bán tài sản thì: *Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”.

Ông Trịnh Cẩm Th đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn và thuốc cho nuôi tôm cho bên mua là ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L. Ông Đ và bà L đã nhận đủ tài sản do ông Th chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông Đ và bà L chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Th theo thỏa thuận và ông Đ và bà L còn nợ của ông Th số tiền là 88.202.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu ông Đ và bà L trả số tiền nợ 88.202.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Đ và bà L yêu cầu trả dần số nợ nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật nên ý kiến của bị đơn không có cơ sở xem xét.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 88.202.000 đồng từ ngày 28/10/2020 (là ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi tiếp tục đến khi hoàn trả hết nợ. Ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L không đồng ý trả lãi vì ông bà cho rằng khi bán thức ăn nuôi tôm thì ông Th đã tính tiền lời trong đó rồi nhưng tại phiên toà đại diện nguyên đơn không đồng ý với ý kiến bị đơn, tiền nợ 88.202.000 đồng là nợ gốc và yêu cầu bị đơn trả lãi theo như yêu cầu khởi kiện. Ông Đ và bà L cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 88.202.000 đồng đã có tiền lãi trong đó. Vì vậy, ý kiến trình bày của ông Đ và bà L là không có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “1. *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. 2. “*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”.

Theo Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa ông Trịnh Cẩm Th là người đại diện Hộ kinh doanh T và ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L thì hai bên không thỏa thuận lãi, nên nay ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả thì lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, là 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 28/10/2020 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi được tính từ ngày 28/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021 cụ thể như sau: 88.202.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 03 ngày = 5.218.617 đồng.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 93.420.617 đồng, trong đó nợ gốc là 88.202.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.218.617 đồng và ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L còn phải chịu lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm Th được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Tuy nhiên, ông Cao Văn Đ, sinh năm 1950 và bà Trương Thị L, sinh năm 1952 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và bị đơn có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử tuyên miễn nộp tiền án phí cho bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

[2] Buộc ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Cẩm Th là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền là 93.420.617 đồng (chín mươi ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là 88.202.000 đồng (tám mươi tám triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.218.617 đồng (năm triệu hai trăm mười tám nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th là đại diện Hộ kinh doanh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.297.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009248 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Cao Văn Đ và bà Trương Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Mến